

Bản án số: 85/2025/HS-PT
Ngày 21 - 5 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Sỹ Trứ.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Lộc.

Ông Nguyễn Hữu Lâm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Phương Hợp - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 71/2025/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Đặng Hoàng S, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- **Bị cáo có kháng cáo:** Đặng Hoàng S, sinh năm 1987 tại tỉnh Long An; nơi cư trú: số B, đường Đ, khu phố C, Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Hoàng D và bà Nguyễn Thị H (đã chết), bị cáo có vợ là Đoàn Thị H1, sinh năm 1985 và có 03 người con; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27 tháng 5 năm 2024, có mặt.

- **Người bào chữa cho bị cáo:**

1. Ông Nguyễn Tấn T, là luật sư Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H2, là luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

3. Ông Hoàng Anh P, là luật sư Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, có đơn xin vắng mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 01 bị cáo khác, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A và bị cáo Đặng Hoàng S có mối quan hệ quen biết. Đinh Ngọc Tuấn A và ông Hồ Minh K có mối quan hệ quen biết do cùng sinh sống tại huyện B, tỉnh Bình Dương. Ngày 25-10-2023, vợ của Hồ Minh K là Nguyễn Thị Kim Y bị Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh B khởi tố, bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do muốn vợ của mình được giảm nhẹ hình phạt và xin cho vợ được tại ngoại nên khoảng đầu tháng 12-2023, Hồ Minh K liên hệ với bị cáo Tuấn A để hỏi về việc “lo” cho Nguyễn Thị Kim Y được “tại ngoại” và được hưởng “án treo” thì bị cáo Tuấn A yêu cầu K giao trước cho bị cáo Tuấn A số tiền 10.000.000 đồng để làm chi phí đi lại và sẽ trả lời kết quả cho K sau. Ngày 06-12-2023, Hồ Minh K sử dụng số tài khoản 6521143238 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đ (B) chuyển khoản số tiền 7.000.000 đồng vào số tài khoản 050127704411 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S1 (S2) của bị cáo Tuấn A. Sau khi nhận số tiền 7.000.000 đồng của ông K, bị cáo Tuấn A liên hệ với bị cáo Đặng Hoàng S để hỏi bị cáo S về việc “lo” cho Nguyễn Thị Kim Y được “tại ngoại” và được hưởng “án treo” thì S yêu cầu giao trước cho S số tiền 5.000.000 đồng làm chi phí đi lại và sẽ trả lời kết quả lại sau. Cùng ngày 06-12-2023, bị cáo Tuấn A chuyển khoản số tiền 5.000.000 đồng vào số tài khoản 7360188888878 mở tại Ngân hàng Q (M) của bị cáo Đặng Hoàng S. Sau khi nhận tiền, bị cáo S hứa hẹn sẽ trả lời kết quả cho bị cáo Tuấn A sau. Ngày 10-12-2023, Hồ Minh K tiếp tục chuyển khoản số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản của bị cáo Tuấn A. Ngày 20-12-2023, bị cáo Đặng Hoàng S liên hệ với bị cáo Tuấn A thông báo việc S có thể “lo” cho Nguyễn Thị Kim Y được tại ngoại trước ngày 27-12-2023 và được hưởng án treo với giá tiền là 300.000.000 đồng. Bị cáo Tuấn A tiếp tục liên lạc lại với K đưa ra giá là 400.000.000 đồng để “lo” cho Nguyễn Thị Kim Y được tại ngoại và được hưởng án treo thì ông K đồng ý. Ngày 20-12-2023, ông K đến nơi sinh sống của bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A và giao cho bị cáo Tuấn A số tiền 400.000.000 đồng bằng hình thức giao tiền mặt. Khi giao tiền cho bị cáo Tuấn A, ông Hồ Minh K sử dụng điện thoại di động để quay phim (video) lại lúc giao tiền cho bị cáo Tuấn A. Ngày 21-12-2023, bị cáo Đặng Hoàng S hẹn gặp bị cáo Tuấn A tại quán ăn trên địa bàn Phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, bị cáo Đặng Hoàng S viết giấy biên nhận tiền có nội dung về việc bị cáo S xác nhận có nhận của bị cáo Tuấn A số tiền 200.000.000 đồng. Bị cáo Tuấn A giao tiền bằng hình thức chuyển khoản số tiền 200.000.000 đồng vào số tài khoản: 7360188888878 của bị cáo Đặng Hoàng S. Ngày 27-12-2023, bị cáo Tuấn A tiếp tục chuyển khoản số tiền 100.000.000 đồng vào số tài khoản: 7360188888878 của bị cáo S. Tổng số tiền bị cáo Tuấn A giao cho bị cáo S là 305.000.000 đồng. Sau khi đưa 305.000.000 đồng cho bị cáo S, bị cáo Tuấn A giữ lại 105.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân. Bị cáo Đặng Hoàng S sử dụng số tiền 305.000.000 đồng mà bị cáo Tuấn A giao vào mục đích trả nợ, tiêu dùng cá nhân hết. Sau khi hết thời gian thỏa thuận (27/12/2023) bị cáo S lấy lý do cần tiền “lo” cho cả Hồ Minh K nên yêu cầu bị cáo Tuấn A giao thêm số tiền 600.000.000 đồng, bị cáo Tuấn A tiếp tục liên lạc với ông K thì ông K không đồng ý giao thêm số tiền 600.000.000 đồng và yêu cầu bị cáo Tuấn A trả lại số tiền 410.000.000 đồng nhưng bị cáo Tuấn A và bị cáo S không trả lại. Ông K tố cáo hành vi của bị cáo Tuấn A và bị cáo S đến Công an tỉnh B. Ngày 05-3-2024, bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A đến Công an xã đầu thú hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng tạm giữ:

- 01 USB nhãn hiệu KingsTon, dung lượng 8G (lưu trữ 01 video);

- 01 điện thoại di động S3 2 5G, số I: 354816551552921 (đã qua sử dụng) và 01 điện thoại di động OPPO, số Imei: 865545051439725 đã qua sử dụng của Đinh Ngọc Tuấn A;

- 01 điện thoại di động Iphone 7 Plus, màu đen, số Imei: 35 9179073272428 của bị cáo Đặng Hoàng S;

- 01 Biên bản nhận tiền ngày 21-12-2023.

Kết luận giám định số 1481/KL-KTHS ngày 29-3-2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: trong mẫu ký hiệu A có 01 (một) tập tin video: tên tập tin: 5218109124802.mp4; MD5: f198923f56aef41f8c6905d55b49e606; dung lượng: 296KB, thời lượng 00 phút 02 giây, số khung hình: 89; được trích xuất thành: 04 (bốn) khung hình. Kèm theo kết luận giám định: phụ lục gồm 02 trang giấy khổ A4.

Kết luận giám định số 2234/KL-KTHS ngày 10-5-2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: trong mẫu vật ký hiệu A: tài khoản đăng nhập ứng dụng Zalo có tên “Tuấn A”; tài khoản tên “S4” trong ứng dụng Zalo hiển thị tên “Hoang Son” (ID 389589029); 08 tin nhắn ứng dụng Zalo giữa tài khoản tên “Tuấn A” với tài khoản tên “Hoang Son” trong thời gian từ ngày 01/12/2023 đến 01/3/2024. Kèm theo kết luận giám định số 2234/KL-KTHS, ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh B gồm 01 trang khổ A4.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố các bị cáo Đặng Hoàng S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng S 08 (tám) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27 tháng 5 năm 2024.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử phạt bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

Ngày 04/3/2025, bị cáo Đặng Hoàng S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý và đưa vụ án ra xét xử theo trình tự phúc thẩm là đúng theo quy định tại các Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật, mức hình phạt mà cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo S 08 năm 02 tháng tù là phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm nhận định, bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp tình tiết mới chứng minh. Người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự là không phù hợp với hành vi bị cáo đã thực hiện nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của người bào chữa, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa trình bày: Ngoài tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bản án sơ thẩm nhận định, bị cáo S phạm tội còn có nhiều tình tiết giảm nhẹ khác nhưng chưa được Tòa án sơ thẩm áp dụng cho bị cáo, cụ thể gồm: sau khi sự việc bị phát hiện, bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo có bố vợ là thương binh hạng A. Do bị cáo phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới 06 năm tù.

Bị cáo không tranh luận, trong nói lời sau cùng: kính mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định. Bị cáo kháng cáo trong thời hạn luật định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo ông Nguyễn Tấn T và ông Hoàng Anh P có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đặng Hoàng S đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: từ 06-12-2023 đến 20-12-2023, tại xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A và bị cáo Đặng Hoàng S dùng thủ đoạn đưa ra thông tin gian dối là có thể “lo” cho Nguyễn Thị Kim Y (đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B khởi tố và bắt tạm giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”) là vợ của ông Hồ Minh K được “tại ngoại” và được hưởng “án treo” để cùng chiếm đoạt số tiền 410.000.000 đồng của ông Hồ Minh K, trong đó bị cáo Tuấn A chiếm đoạt số tiền 105.000.000 đồng, bị cáo S chiếm đoạt số tiền 305.000.000 đồng. Hành vi bị cáo S và đồng phạm đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đặng Hoàng S và bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A về tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của ông Hồ Minh K đưa số tiền 410.000.000 đồng cho bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A và bị cáo Đặng Hoàng S để lo cho vợ được “tại ngoại” và được hưởng “án treo”, hành vi của ông K có dấu hiệu của tội “Đưa hối lộ”. Tuy nhiên, ông K đã chủ động khai báo trước khi bị phát giác, hơn nữa ông K không bàn bạc, trao đổi hoặc chuẩn bị gặp người có chức vụ, quyền hạn để lo việc cho vợ ông K nên cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm không xem xét, xử lý hình sự đối với ông K là có căn cứ. Tuy nhiên, số tiền 410.000.000 đồng ông K đưa cho các bị cáo là sử dụng vào việc bất hợp pháp, đáng lẽ phải tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông K phải

nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là thiếu sót cần rút kinh nghiệm trong công tác xét xử.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Đặng Hoàng S, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Như phân tích nhận định trên, hành vi bị cáo S và đồng phạm đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, việc bị cáo S và đồng phạm thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất bộc phát nhất thời khi bị hại Khái gợi ý đặt vấn đề nhờ giúp đỡ; sau khi phạm tội, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục hậu quả, bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hiện gia đình bị cáo có hoàn cảnh vô cùng khó khăn, bị cáo có 02 người con bị bệnh nan y (trong đó có 01 cháu câm, điếc; 01 cháu bị bệnh bại não nằm liệt giường). Qua thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo đã thể hiện sự ăn năn hối cải, nên Hội đồng xét xử xem xét cân nhắc chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 08 (tám) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bị cáo không kháng cáo, bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo A đã ra đầu thú; tài sản bị cáo chiếm đoạt không lớn (105.000.000 đồng); bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn, ăn năn hối cải nên căn cứ khoản 3 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình giảm một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa phúc thẩm là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí phúc thẩm: yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đặng Hoàng S.

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương về hình phạt đối với các bị cáo Đặng Hoàng S, Đinh Ngọc Tuấn A như sau:

Tuyên bố các bị cáo Đặng Hoàng S, Đinh Ngọc Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng S 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 27 tháng 5 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Đinh Ngọc Tuấn A 07 (bảy) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05 tháng 3 năm 2024

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Hoàng S không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (Vụ GDKT 1);
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV06 – Công an tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (cấp Lý lịch tư pháp);
- Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương (4);
- VKSND huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Lưu: Tổ HCTP, HSVA, BPH 17.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Sỹ Trứ